

Bản án số: 16/2019/DS-ST

Ngày 16 - 4- 2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tú-Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 12 và 16 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Th**, sinh năm: 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: 51C , phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: 26/17A , phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* **Bà Nguyễn Thị Hương Th**, sinh năm: 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: 26/17A, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Vào ngày 02/9/2018 vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Hương Th có vay tiền bà Th, số tiền vay là 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Hai bên có làm biên nhận, thuận lãi suất vay ông V, bà Th ký tên và hẹn 01 tháng kể từ ngày vay sẽ thanh toán đủ. Tuy nhiên, ông V và bà Th không thực hiện cam kết mặc dù bà Th đã nhiều lần yêu cầu

thanh toán nợ như đã hẹn. Đồng thời, ông V và bà Th có ý định bán tài sản để tảo tán tài sản, không có thiện chí thanh toán nợ. Cho nên, bà Th khởi kiện yêu cầu ông V, bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ khi vay (ngày 02/9/2019) đến sau ngày khởi kiện ông V, bà Th đã trả cho bà Th vốn gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), nên vốn gốc còn phải thanh toán là 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay đến khi thanh toán xong nợ.

- **Bị đơn là Nguyễn Văn V trình bày:** Vợ ông là bà Nguyễn Thị Hương Th có vay tiền bà Th. Biên nhận ngày 02/9/2018 với số tiền vay là 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) có ký tên Nguyễn Văn V và Nguyễn Thị Hương Th là do ông lập và hai vợ chồng cùng ký tên. Tuy nhiên, số tiền đó không phải số tiền thực tế vay giữa bà Th và vợ ông (bà Hương Th), ông đồng ý thanh toán nợ cho bà Th theo số tiền thực tế vợ ông (bà Hương Th) xác nhận. Đồng thời, yêu cầu bà Th xác định đây là tiền vay chứ không phải tiền mượn.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Hương Th trình bày:** Bà Hương Th có vay tiền bà Th, biên nhận ngày 02/9/2018 với số tiền vay là 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) có ký tên Nguyễn Văn V và Nguyễn Thị Hương Th là do ông V (chồng bà Hương Th) lập. Sau đó vợ chồng ông V, bà Hương Th và bà Th cùng ký tên. Tuy nhiên, số tiền đó không phải số tiền thực tế vay giữa bà Hương Th với bà Th mà do bà Hương Th lãnh nợ dùm nhiều người và cộng dồn nhiều khoản tiền lại ghi vào biên nhận và vợ chồng bà Hương Th ký tên. Lý do vợ chồng bà Hương Th cùng đồng ý ký vào biên nhận vì sợ bà Th đến cơ quan ông V gây khó khăn ảnh hưởng uy tín ông V. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và bà đã trả tiền vốn và lãi cho bà Th rất nhiều lần nhưng bà Th không đồng ý ghi lại biên nhận nhận tiền. Nay bà Hương Th thừa nhận chỉ còn nợ bà Th 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), vợ chồng bà Hương Th đồng ý thanh toán số nợ nêu trên cho bà Th và không đồng ý thanh toán lãi vì kinh tế bà Hương Th hiện đang khó khăn.

Tại phiên tòa:

- **Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Th:** Yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn V và Nguyễn Thị Hương Th thanh toán nợ vay là 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay đến khi thanh toán xong nợ.

- **Bị đơn - ông Nguyễn Văn V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Hương Th:** Thừa nhận có lập biên nhận nợ ngày 02/9/2018 với số tiền vay là 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng). Khi vay có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và đã thanh toán nợ cho bà Thanh nhiều lần nhưng không có lập biên nhận. Nay ông V và bà Hương Th đồng ý trả cho bà Thanh số tiền nợ là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và không đồng ý thanh toán lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Nguyễn Thị Th khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Văn V có địa chỉ tại số 26/17A, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hương Th cùng địa chỉ nêu trên yêu cầu trả số tiền vay. Nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2]- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị Th: Giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Hương Th thống nhất lời khai: Bà Th có vay tiền bà Th và ông V (chồng bà Hương Th) lập biên nhận vay ông V, bà Hương Th, bà Th cùng ký tên vào biên nhận mỗi bên giữ một bản. Thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng, hạn thời hạn thanh toán 01 tháng kể từ ngày vay (ngày 02/9/2018). Ông V, bà Hương Th đã vi phạm cam kết thanh toán nợ nên từ đó phát sinh tranh chấp, bà Th khởi kiện yêu cầu ông V, bà Hương Th trả số tiền vay và lãi suất vay theo quy định pháp luật. Vợ chồng ông V, bà Hương Th thừa nhận việc vay mượn nợ nhưng bà Hương Th có lời khai nại đây là tiền lãnh nhận nợ của nhiều người và đã thanh toán nợ nhiều lần cho bà Th đến ngày xét xử chỉ còn nợ 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), ông V thống nhất lời khai bà Hương Th. Tuy nhiên, ông V, bà Hương Th không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai đã thanh toán nợ và bảo lãnh nợ cho ai. Đồng thời, tại phiên tòa ông V, bà Hương Th cũng xác nhận không có chứng cứ gì khác ngoài những chứng cứ đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét lời khai của ông V, bà Hương Th. Xét ông V, bà Hương Th xác nhận biên nhận nợ có chữ ký, chữ viết và nội dung biên nhận nợ là do ông V lập và cùng vợ là bà Hương Th ký tên nên việc ông V, bà Th khai chỉ nợ 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) là không có cơ sở. Căn cứ quy định pháp luật tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 việc vay mượn tiền giữa bà Th với ông V, bà Hương Th đủ các điều kiện để giao dịch có hiệu lực, ông V, bà Hương Th là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm đối với giao dịch mà bà xác lập. Căn cứ Điều 463; Điều 465 Bộ luật dân sự 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ của bên vay cần buộc ông V, bà Hương Th trả cho bà Th số tiền vay 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) là phù hợp.

[3]- Xét yêu cầu tính lãi suất vay: Bà Th yêu cầu ông V, bà Hương Th thanh toán lãi suất vay kể từ ngày vi phạm theo các biên nhận đến ngày thanh toán xong nợ. Còn ông V, bà Hương Th không đồng ý thanh toán lãi do kinh tế đang khó khăn. Bà Th và ông V, bà Hương Th xác định khi vay có thỏa thuận lãi suất, đây là sự tự

nguyên thỏa thuận giao dịch giữa các bên nên cần tiếp tục buộc thực hiện theo thỏa thuận là phù hợp. Tuy nhiên, lãi suất vay thỏa thuận 5%/tháng vượt mức lãi suất quy định nên cần thiết điều chỉnh lãi suất vay phù hợp quy định pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của bà Th. Lãi suất được tính như sau:

$[(\text{Tiền vay } 490.000.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 1,66\%/\text{tháng} (20\%/\text{năm}) \times 06 \text{ tháng } 09 \text{ ngày (kể từ ngày vi phạm } 03/10/2018 \text{ đến ngày xét xử } 12/4/2019))] = 51.244.000 \text{ đồng}$
(Năm mươi một triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi buộc ông V, bà Hương Th phải trả cho bà Th là: $(\text{Tiền vốn vay } 490.000.000 \text{ đồng} + \text{tiền lãi } 51.244.000 \text{ đồng}) = 541.244.000 \text{ đồng}$ (Năm trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

[4]-Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận nên ông V, bà Hương Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là: $[20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 141.244.000 \text{ đồng})] = 25.649.000 \text{ đồng}$ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn đồng). Bà Th được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **0000409 ngày 25/12/2018** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 465; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn-ông Nguyễn Văn V, người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan-bà Nguyễn Thị Hương Th. Buộc ông V, bà Hương Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà Th tổng số tiền vay vốn và lãi là 541.244.000 đồng (Năm trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông V và bà Hương Th không thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V, bà Hương Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là: 25.649.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn đồng). Bà Th được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **0000409 ngày 25/12/2018** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/4/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKS Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp. Rạch Giá;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Mộng Thúy

